TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30A /2019/DS-ST.
Ngày: 16/10/2019
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mộng Trinh

*Các hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Văn Vụ và bà Đoàn Thị Thanh Nhàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Trương Bảo Long -Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huếtham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Ngọc Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (60 Nguyễn Huệ - Huế) mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 314/2018/TLST-DS, ngày 12/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 200/QĐST-DS ngày 01/10/2019 và Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 203/TB-TA ngày 04/10/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ; địa chỉ: Số 25 đường Trần Hưng Đ, phường Phan Chu Trinh, quận H, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T- Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Vũ Đình K (Văn bản ủy quyền số 359/2018/UQ-Seabank ngày 20/4/2018); người đại diện theo ủy quyền của ông K là ông Bùi Quang R, ông Đặng P và ông Dương Văn Đ (Văn bản ủy quyền số 9052/2018/UQ-Seabank ngày 12/7/2018); ông P và ông Đ vắng mặt, ông R có mặt.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1973 và chị Trần Thị Kim A, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: Thôn An T, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế**;** Ông P và bà A đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn- Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Đ), trình bày:

Ông Nguyễn Hữu P và bà Trần Thị Kim A có vay vốn tại *Ngân hàng Đ, theo các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ, cụ thể như sau:*

Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 10738/HĐTD/2016 ngày 24/6/2016, vay 300.000.000 đồng để thanh toán chi phí xây sửa nhà, thời hạn vay là từ 27/6/2016 đến 27/6/2028 là 144 tháng, lãi suất vay là 10.5%/năm cho 12 tháng đầu tiên kể từ ngày nhận nợ, từ tháng thứ 13 trở đi lãi suất cho vay được áp dụng thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày đầu mỗi quý theo công thức bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân lĩnh lãi cuối kỳ của Seabank kỳ hạn 13 tháng cộng với biên độ 4.4%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; kỳ trả nợ gốc và lãi hàng tháng.

Hợp đồng hạn mức tín dụng số 10737/HĐTD/2016 ngày 24/6/2016, vay 200.000.000 đồng để bổ sung vốn mua vải may mặc, thời hạn vay là từ 23/7/2016 đến 29/12/2017 là 09 tháng, lãi suất vay là 11%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ.

Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng Visa ngày 08/4/2017 với hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, đã cấp thực tế là 17.210.968 đồng, lãi suất là 27%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; kỳ trả nợ khách hàng phải hoàn trả số tiền đã sử dụng và các chi phí phát sinh khác trong kỳ sử dụng hạn mức vào ngày 15 của tháng sau liền kề kỳ sử dụng hạn mức.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông P và bà A đã thế chấp tài sản của mình theo Hợp đồng thế chấp số 10737/HĐTC/2016 ngày 24/6/2016, được công chứng tại Phòng công chứng số 1 Thừa Thiên Huế và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định, tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ Bản vẽ quy hoạch phê duyệt ngày 23/5/2013, diện tích 200m2 đất tại địa chỉ Thôn Giáp Đông, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 837378 do Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà cấp ngày 11/4/2014 mang tên Nguyễn Hữu P và Trần Thị Kim A.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P và bà A đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/10/2019, ông P và bà A đã trả tổng cộng cả 03 hợp đồng là 108.384.887 đồng, trong đó gồm 45.445.443 đồng tiền gốc và 62.939.444 đồng tiền lãi. Cụ thể tại từng hợp đồng như sau:

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 10738/HĐTD/2016 ngày 24/6/2016, đã trả được 93.112.814 đồng, trong đó 39.615.000 đồng tiền gốc và 53.497.814 đồng tiền lãi. Số tiền còn nợ là 324.799.013 đồng, trong đó gồm 260.385.000 đồng tiền nợ gốc và 64.414.013 đồng tiền nợ lãi.

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 10737/HĐTD/2016 ngày 24/6/2016, đã trả được 15.272.073 đồng, trong đó 5.830.443 đồng tiền gốc và 9.441.630 đồng tiền lãi. Số tiền còn nợ là 247.570.416 đồng, trong đó gồm 194.169.557 đồng tiền nợ gốc và 53.400.859 đồng tiền nợ lãi.

- Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng Visa ngày 08/4/2017 còn nợ 27.154.164 đồng, trong đó gồm 17.210.968 đồng tiền nợ gốc và 9.943.196 đồng tiền nợ lãi và phí phát sinh.

Như vậy, tính đến 16/10/2019, ông P và bà A còn nợ nguyên đơn tổng cộng là 599.523.593 đồng, trong đó gồm 471.765.525 đồng tiền nợ gốc và 127.758.068 đồng tiền nợ lãi.

Việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của ông P và bà Ađã ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện ông P và bà A, yêu cầu ông P và bà A phải trả toàn bộ số tiền còn nợ của nguyên đơn tại các hợp đồng trên tạm tính đến ngày 16/10/2019 là 599.523.593 đồng; buộc ông Phúc và bà Anh phải tiếp tục trả cho nguyên đơn số tiền nợ lãi tính theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn.

Trường hợp ông P và bà A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Nếu số tiền phát mại tài sản không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông P và bà A phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu P và bà Trần Thị Kim A, tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 03/5/2019 cùng thừa nhận số tiền còn nợ của nguyên đơn tính đến ngày 03/5/2019 là 561.268.003 đồng, trong đó gồm 471.765.525 đồng nợ gốc và 89.502.478 đồng nợ lãi, do điều kiện khó khăn nên chưa thể trả được, đề nghị nguyên đơn gia hạn. Nếu không trả được thì bị đơn đồng ý giao tài sản đã thế chấp để nguyên đơn xử lý thu hồi nợ.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến: Từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử; đại diện nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng, không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục. Về tố tụng: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung: Áp dụng Điều 280, 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng 599.523.593 đồng, trong đó gồm 471.765.525 đồng tiền nợ gốc và 127.758.068 đồng tiền nợ lãi; bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Hữu Pvà bà Trần Thị Kim A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan,

nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi:

Xét các Hợp đồng tín dụng số 10738/HĐTD/2016 ngày 24/6/2016, số 10737/HĐTD/2016 ngày 24/6/2016 và Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng Visa ngày 08/4/2017 đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và vợ chồng ông Nguyễn Hữu P- bà Trần Thị Kim A, tại thời điểm ký kết các bên hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, nên các Hợp đồng tín dụng này có giá trị pháp luật.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng Đ đã giải ngân của cả ba hợp đồng là 517.210.968 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/10/2019, ông P và bà Ađã trả tổng cộng cả 03 hợp đồng là 108.384.887 đồng, trong đó gồm 45.445.443 đồng tiền gốc và 62.939.444 đồng tiền lãi. Như vậy, ông P và bà A không thực hiện đúng như cam kết, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng. Do đó, Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu P- bà Trần Thị Kim Aphải trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 16/10/2019 là 599.523.593 đồng, trong đó gồm 471.765.525 đồng tiền nợ gốc và 127.758.068 đồng tiền nợ lãi; buộc ông Phúc và bà Anh phải tiếp tục trả cho nguyên đơn số tiền nợ lãi tính theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng từ ngày 17/10/2019 cho đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo:

Xét hợp đồng thế chấp số 10737/HĐTC/2016 ngày 24/6/2016 đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và vợ chồng ông Nguyễn Hữu Pbà Trần Thị Kim Ađược công chứng tại Phòng công chứng số 1 Thừa Thiên Huế và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Các thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp không trái quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp này có giá trị pháp luật.

Trong trường hợp ông Pvà bà A không trả đủ nợ, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nếu số tiền từ phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, thì ông P và bà Aphải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí thẩm định tài sản là 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm ngàn đồng), phía nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Hữu P và bà Trần Thị Kim A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: [20.000.000 đồng + (199.523.593 đồng x 4%)] = 27.980.943 đồng (Làm tròn số là 27.981.000 đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 280, 299, 307, 318, 319, 320, 321, 351, 357, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự ; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường vụ Quốc Hội

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

Buộc ông Nguyễn Hữu P và bà Trần Thị Kim A phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 599.523.593 đồng, trong đó gồm 471.765.525 đồng tiền nợ gốc và 127.758.068 đồng tiền nợ lãi;

Ông Nguyễn Hữu Pvà bà Trần Thị Kim A phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 17/10/2019 đến khi thanh toán khoản nợ gốc này.

2.Trường hợp ông Nguyễn Hữu P và bà Trần Thị Kim A không trả đủ nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ bản vẽ quy hoạch phê duyệt ngày 23/5/2013, diện tích 200m2 đất tại địa chỉ Thôn Giáp Đông, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 837378 do Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà cấp ngày 11/4/2014 mang tên Nguyễn Hữu Phúc và Trần Thị Kim Anh để thu hồi nợ.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Hữu P và bà Trần Thị Kim Aphải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 27.981.000 đồng.

Hoàn trả 6.821.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo Biên lai thu tiền số 006196 ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tự nguyện chịu toàn bộ là 2.200.000 đồng, số tiền này đã nộp đủ, nay không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-TAND TT. Huế;
-VKSND TP. Huế;
- THADS TP. Huế;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu dán;
- Lưu hồ sơ .

Mai Thị Mộng Trinh